

Số: /TTr-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

*(Dự thảo)*

## TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (tại số thứ tự 96, mục IV, Phụ lục IV), Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (tại số thứ tự 7, mục IX, Phụ lục I), Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan liên quan xây dựng *Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi* (sau đây gọi tắt là Chương trình). Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ Chương trình với các nội dung như sau:

### I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH

#### 1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị Ban chấp hành TW lần thứ 6 khóa XI về “Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Trong đó, tại định hướng nhiệm vụ KH&CN chủ yếu đề ra tại Nghị quyết về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển KH&CN trong các ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương, có yêu cầu “**Chú trọng ứng dụng KH&CN để khai thác có hiệu quả các lợi thế và điều kiện đặc thù của từng vùng, nhất là khu vực nông thôn, miền núi.** Hình thành tại mỗi vùng một số mô hình liên kết giữa khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo, sản xuất, kinh doanh; hướng vào khai thác các lợi thế của vùng về các điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội, **hình thành các sản phẩm chủ lực của mỗi vùng**”.

- Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong đó có yêu cầu tập trung “Tổ chức thực hiện tốt Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030 gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Hội nghị Trung ương lần thứ sáu khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm

2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 45-NQ/TW của Hội nghị Trung ương lần thứ tám khoá XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về KH, CN & ĐMST theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ, chuẩn mực quốc tế, tạo sự đồng bộ, thống nhất, hiệu quả trong tổ chức thực hiện. Chú trọng các chính sách tài chính, đầu tư, đầu thầu, quản lý và sử dụng tài sản công, chuyển giao, ứng dụng KH & CN, phát triển công nghệ số, công nghệ cao, bảo hộ sở hữu trí tuệ; chính sách xã hội hoá. Đồng thời, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, chính sách vượt trội, cơ chế thử nghiệm chính sách mới, rủi ro nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng, chuyển giao các lĩnh vực khoa học, công nghệ có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mới và chuyển đổi số; **đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong nghiên cứu, phát triển sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, giá trị cao, thân thiện với môi trường**, tham gia có hiệu quả vào chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị toàn cầu”.

## 2. Căn cứ pháp lý

Chương trình được xây dựng dựa trên căn cứ sau:

- *Luật Khoa học và công nghệ* ngày 18/6/2013, tại khoản 3 Điều 6 về Chính sách của Nhà nước về phát triển KH & CN đã nêu: “Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng thành tựu KH & CN tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm”;

- *Luật Chuyển giao công nghệ* ngày 19/6/2017, tại khoản 3 Điều 3 về Chính sách của Nhà nước đối với hoạt động chuyển giao công nghệ đã nêu: “Ưu tiên chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch, công nghệ phục vụ phát triển sản phẩm quốc gia, trọng điểm, chủ lực, công nghệ phục vụ quốc phòng, an ninh từ nước ngoài vào Việt Nam và chuyển giao trong nước; bố trí nguồn lực đầu tư cho hoạt động chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp, nông thôn; chú trọng hoạt động chuyển giao công nghệ cho địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn”;

- *Quyết định số 569/QĐ-TTg*, ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

- *Nghị quyết số 14/NQ-CP* ngày 08/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (tại mục IV, Phụ lục II của Nghị quyết số 14/NQ-CP đã giao nhiệm vụ xây dựng “Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH & CN thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi” cho Bộ Khoa học và Công nghệ);

- *Chỉ thị số 25/CT-TTg* ngày 05/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát triển thị trường KH & CN đồng bộ, hiệu quả, hiện đại và hội nhập. Một

trong những yêu cầu Thủ tướng Chính phủ giao Bộ KH&CN là “Nghiên cứu, đề xuất thí điểm chính sách tạo động lực thương mại hóa, đưa nhanh kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ được tạo ra từ ngân sách nhà nước vào sản xuất, kinh doanh, báo cáo cấp có thẩm quyền trong năm 2024”;

Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 (tại số thứ tự 96, mục IV, Phụ lục IV), Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (tại số thứ tự 7, mục IX, Phụ lục I), Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao “*Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi*” trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 12 năm 2024.

### **3. Về tên của Chương trình**

- Tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ, Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng “*Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi*”.

Nhiệm vụ này được giao xây dựng theo đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ, với mục tiêu tiếp tục triển khai việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội khu vực nông thôn, miền núi theo hướng tập trung, có trọng tâm vào phát triển các sản phẩm lợi thế, đặc thù, sản phẩm chủ lực nhằm đạt được các mục tiêu, yêu cầu cụ thể hơn về tăng năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh, mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao hiệu quả kinh tế, góp phần tiếp tục thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững khu vực nông thôn, miền núi theo định hướng, chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Triển khai nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có công văn số 1245/BKH-CN-ĐP ngày 15/4/2024 gửi cho 63 tỉnh/thành phố trên cả nước đề nghị báo cáo tình hình phát triển sản phẩm chủ lực (SPCL), sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế tại địa phương và khu vực nông thôn, miền núi giai đoạn 2016-2024 nhằm tổng hợp thông tin về thực trạng, tình hình phát triển SPCL và nhu cầu hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN phát triển các SPCL của các địa phương.

Qua tổng hợp, đánh giá thực trạng tình hình phát triển các SPCL ở các địa phương trên cả nước cho thấy: SPCL được xác định theo phạm vi lãnh thổ, cấp hành chính gồm: SPCL quốc gia; SPCL cấp tỉnh/thành phố (địa phương) (một số địa phương có SPCL cấp huyện, xã); không có phân loại sản phẩm chủ lực theo khu vực nông thôn, miền núi hay thành thị<sup>1</sup>. Trong mỗi cấp này sẽ có các SPCL theo từng ngành/lĩnh vực: SPCL trong lĩnh vực nông nghiệp (sản phẩm nông

---

<sup>1</sup> Tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050: về “Định hướng theo nhóm sản phẩm chủ lực” đã quy định cụ thể đối với *Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh* và *Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương*.

ngành chủ lực); SPCL trong lĩnh vực công nghiệp (sản phẩm công nghiệp chủ lực); SPCL trong thương mại - dịch vụ, du lịch, văn hoá... Qua báo cáo của các địa phương cho thấy, nhiều tỉnh/thành phố đã xác định được danh mục các sản phẩm chủ lực để ưu tiên, tập trung đầu tư phát triển. Các sản phẩm chủ lực cấp tỉnh được các địa phương xác định, ban hành danh mục tập trung hầu hết ở lĩnh vực nông nghiệp<sup>2</sup>; sản phẩm chủ lực thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch... và các lĩnh vực khác chiếm tỷ lệ thấp và có số ít địa phương đã ban hành danh mục sản phẩm công nghiệp, dịch vụ chủ lực<sup>3</sup>. Các địa phương cũng đề xuất nhu cầu về việc cần có chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển các SPCL của địa phương (SPCL cấp tỉnh/thành phố) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ của địa phương (các tỉnh/thành phố), đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và yêu cầu xuất khẩu; đóng góp cho tăng trưởng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; đồng thời bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội song hành với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững nhờ ứng dụng tiến bộ KH&CN.

Bộ KH&CN đã tổng hợp thực trạng, tình hình, nhu cầu hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển các SPCL của các địa phương và đề xuất các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình hỗ trợ ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển SPCL của địa phương, trình Thủ tướng Chính phủ.

#### **4. Thực trạng và nhu cầu hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực ở các địa phương**

##### *4.1. SPCL của địa phương*

Qua báo cáo của các địa phương cho thấy, sản phẩm chủ lực (SPCL) của địa phương (các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) là sản phẩm hàng hoá hoặc dịch vụ chủ yếu của một địa phương, có khả năng sản xuất và cung ứng với khối lượng lớn, có ưu thế cạnh tranh vượt trội, có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế cao, có sức lan toả và hỗ trợ các ngành nghề khác cùng phát triển, đồng thời thể hiện tính đặc thù riêng, mang ý nghĩa văn hoá, thể hiện thế mạnh của địa phương/vùng lãnh thổ. SPCL của địa phương có vai trò đặc biệt quan trọng đối với tăng trưởng, phát triển kinh tế của từng địa phương. Trong xây dựng đề án phát triển các ngành/lĩnh vực sản xuất nói chung và ở địa phương nói riêng, việc quy hoạch, xác định các sản phẩm chủ lực là hết sức quan trọng, góp phần tạo ra những sản phẩm hàng hoá có giá trị, có lợi thế cạnh tranh trên thị trường<sup>4</sup>. Phát triển sản phẩm chủ lực là một yêu cầu tất yếu, khách quan nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi

---

<sup>2</sup> Qua tổng hợp, hầu hết các địa phương đều đã ban hành *Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương* hoặc đã xác định các “sản phẩm quan trọng, ưu tiên” ngành nông nghiệp. Trong đó có 49/63 tỉnh/thành phố đã ban hành Quyết định của UBND tỉnh/thành phố phê duyệt Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương; các tỉnh/thành khác xác định đối tượng sản phẩm nông nghiệp chủ lực thông qua Đề án về tái cơ cấu ngành nông nghiệp của tỉnh, hoặc các Chương trình, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; các chính sách về đầu tư phát triển nông nghiệp, chính sách hỗ trợ phát triển một số giống cây trồng, vật nuôi, sản phẩm nông nghiệp. Một số địa phương ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp, dịch vụ chủ lực.

<sup>3</sup> Thống kê sơ bộ qua báo cáo cho thấy, chỉ có 12 địa phương ban hành Danh mục sản phẩm công nghiệp chủ lực để ưu tiên đầu tư phát triển gồm: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Phú Yên, Đồng Tháp, Kiên Giang, Hải Phòng, Cao Bằng, Bắc Kạn, Phú Thọ, Thái Bình, Thừa Thiên Huế, Đắk Nông.

<sup>4</sup> Tại Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050: về “Định hướng theo nhóm sản phẩm chủ lực” đã quy định cụ thể đối với Nhóm sản phẩm chủ lực quốc gia, Nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và Nhóm sản phẩm đặc sản địa phương.

thể vượt trội của từng địa phương, từng vùng và quốc gia; tạo sức lan toả, thúc đẩy các ngành nghề liên quan, dịch vụ hỗ trợ phát triển; phát triển kinh tế bền vững và định vị được nền kinh tế trong chiến lược cạnh tranh toàn cầu.

Theo tổng hợp báo cáo cho thấy, hầu hết các địa phương đều đã xác định sản phẩm chủ lực để ưu tiên, tập trung đầu tư phát triển trong một số ngành, lĩnh vực thuộc địa phương mình; nhiều tỉnh/thành phố đã ban hành danh mục sản phẩm chủ lực của địa phương mình. Nhiều địa phương đã ban hành Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực (trên cơ sở quy định về danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực quốc gia tại Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018<sup>5</sup> và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn<sup>6</sup>). Việc xác định danh mục SPCL ngành nông nghiệp ở địa phương được coi là một trong những nội dung quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn, nhằm phục vụ cho công tác quản lý, đồng thời để thực hiện các cơ chế, chính sách, nhất là các chính sách hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, nông thôn<sup>7</sup>. Đến nay, chưa có văn bản quy định về SPCL quốc gia ở các lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch,... làm cơ sở để các địa phương ban hành danh mục SPCL thuộc các lĩnh vực này ở địa phương. Do vậy, có số ít địa phương có tiêu chí xác định và ban hành danh mục sản phẩm chủ lực thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch.

#### 4.2. *Thực trạng, nhu cầu hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN phát triển SPCL của địa phương*

Từ vai trò đặc biệt quan trọng của SPCL trong phát triển kinh tế - xã hội, việc đầu tư, hỗ trợ để phát triển sản phẩm chủ lực, nhất là đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ KH&CN trong phát triển SPCL nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm đã được TW và các địa phương rất coi trọng. Qua tổng hợp cho thấy, trong giai đoạn từ 2016 đến nay, nhiều cơ chế, chính sách, chương trình, đề án đã và đang triển khai *có liên quan* đến hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN phát triển sản phẩm hàng hoá nói chung, trong đó có các SPCL của địa phương, với 03 nhóm chính:

- (1) Thông qua các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án KH&CN;
- (2) Thông qua các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực, trong đó có nội dung về KH&CN.
- (3) Thông qua các cơ chế, chính sách, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội, KH&CN của địa phương.

<sup>5</sup> Thông tư số 37/2018/TT-BNNPTNT ban hành 13 sản phẩm nông sản chủ lực quốc gia, gồm các sản phẩm sau: 1- Lúa gạo; 2- Cà phê; 3- Cao su; 4- Điều; 5- Hồ tiêu; 6- Chè; 7- Rau, quả; 8- Sắn và sản phẩm từ sắn; 9- Thịt lợn; 10- Thịt và trứng gia cầm; 11- Cá tra; 12- Tôm; 13- Gỗ và sản phẩm từ gỗ.

Bên cạnh đó còn có: Tại Quyết định số 4085/QĐ-BNN-TT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực đến năm 2025 và 2030 đã xác định 14 loại cây ăn quả chủ lực (Gồm các Cây: thanh long, xoài, chuối, vải, nhãn, cam, bưởi, dứa, chôm chôm, sầu riêng, mít, chanh leo, bơ, na).

Quyết định số 431/QĐ-BNNPTNT ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030, đã xác định 06 loại cây công nghiệp chủ lực (gồm: cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu, dứa).

<sup>6</sup> Thông tư số 17/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành danh mục loài cây trồng chính; Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính, được sửa đổi tại Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021; Quyết định số 50/2018/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định đối tượng thủy sản nuôi chủ lực...

<sup>7</sup> Tại Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Hiện nay, rất ít địa phương ban hành sách riêng về “ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh”<sup>8</sup>; đồng thời chưa có cơ chế, chính sách chuyên biệt nào ban hành trực tiếp về “hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương”.

Qua báo cáo của các địa phương cho thấy, nhu cầu nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao kết quả KH&CN, tiến bộ kỹ thuật vào phát triển kinh tế - xã hội và các sản phẩm hàng hoá ở địa phương, trong đó có các sản phẩm chủ lực thời gian qua được các địa phương rất quan tâm, hướng đến nâng cao năng suất, chất lượng, tăng sức cạnh tranh, phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị; tập trung các sản phẩm trọng điểm, chủ lực, có lợi thế phát triển. Các dự án hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng nông thôn, miền núi và dân tộc thiểu số<sup>9</sup> phát huy hiệu quả, góp phần thay đổi phương thức sản xuất theo hướng hiện đại.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ cho các ngành, lĩnh vực, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, trong đó có các sản phẩm chủ lực còn nhiều hạn chế, khó khăn, tập trung vào một số mặt sau:

*Thứ nhất, về cơ chế, chính sách*, cho đến nay, chưa có chính sách cụ thể, tập trung hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ KH&CN vào phát triển sản phẩm chủ lực, có tiềm năng, lợi thế, với các nội dung định hướng theo mục tiêu nhất định nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực; phát triển thị trường; phát triển sản phẩm theo chuỗi giá trị; định hướng tham gia vào chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương và quốc gia. Việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ còn hạn chế; thiếu giải pháp đồng bộ và sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành và địa phương.

*Thứ hai, về hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị, nguồn lực cho ứng dụng KH&CN phát triển sản phẩm chủ lực*: Các chủ thể sản xuất, kinh doanh sản phẩm chủ lực của địa phương đa số quy mô nhỏ hoặc siêu nhỏ nên còn hạn chế về nguồn lực đầu tư; cơ sở hạ tầng, hệ thống máy móc thiết bị, nhất là để phục vụ chế biến sâu, đa dạng sản phẩm còn rất hạn chế, chưa đồng bộ, chưa thực hiện chế biến sâu sản phẩm nên chất lượng sản phẩm chưa cao, gia tăng giá trị thấp. Kinh phí dành cho hoạt động KH&CN, trong đó có ứng dụng công nghệ, tiến bộ kỹ thuật tại các địa phương rất hạn chế; chưa thu hút hiệu quả nguồn lực ngoài ngân sách, nhất là đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông sản chủ lực. Tiềm lực của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh sản phẩm chủ lực ở địa phương còn rất hạn chế, khả năng nắm bắt công nghệ và cập nhật thành tựu khoa học công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo còn yếu; chưa chú trọng nhiều vào các hoạt động đầu tư cho nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, kỹ thuật mới vào sản xuất,

<sup>8</sup> Quyết định số 399/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Chương trình ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực và đặc sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025

<sup>9</sup> Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

kinh doanh. Nguồn nhân lực tham gia sản xuất, kinh doanh, phát triển sản phẩm chủ lực, nhất là ứng dụng, chuyển giao công nghệ trong phát triển SPCL còn thiếu và yếu; việc tiếp thu, làm chủ các quy trình công nghệ mới còn hạn chế.

*Thứ ba, về việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất sản phẩm chủ lực:* Quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, phân tán, manh mún, theo quy mô nông hộ là chủ yếu; việc hình thành các “cánh đồng mẫu lớn”, các khu/vùng sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn, chất lượng cao còn khó khăn; vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất SPCL còn thiếu ổn định nên khó áp dụng cơ giới hóa cũng như ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao một cách đồng bộ, hiệu quả. Việc ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ trong sản xuất, nhất là các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế còn chậm so với nhu cầu của doanh nghiệp và nhu cầu của thị trường. Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, cơ giới hoá chưa đáp ứng quá trình chuyển dịch sản xuất. Một số mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao bước đầu thực hiện có hiệu quả nhưng khi nhân rộng lại gặp khó khăn, thiếu bền vững. Công nghiệp chế biến sản phẩm chủ lực tuy có tăng về số lượng nhưng giá trị gia tăng thấp, hàm lượng công nghệ chưa cao nên hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa đáp ứng yêu cầu; việc phát triển công nghiệp chế biến sâu còn chậm; các mô hình kinh tế tuần hoàn chậm phát triển nên sử dụng các sản phẩm phụ chưa hiệu quả. Chính vì vậy, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế của địa phương chưa phát huy được giá trị. Năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của nhiều loại sản phẩm, nhất là sản phẩm nông nghiệp còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Sản phẩm nông nghiệp mang tính mùa vụ (lúc thiếu hụt, lúc lại dư thừa); quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, sản phẩm sản xuất theo tiêu chuẩn chứng nhận còn hạn chế; việc xây dựng và bảo hộ tài sản trí tuệ còn nhiều hạn chế....

*Thứ tư, về phát triển thị trường, thương mại hoá sản phẩm chủ lực và xúc tiến đầu tư:* Xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá tại nhiều địa phương còn chưa mạnh, chưa chuyên nghiệp. Các doanh nghiệp, tổ chức sản xuất, kinh doanh SPCL của địa phương còn ít cơ hội được tham gia các sự kiện xúc tiến đầu tư, quảng bá, giới thiệu sản phẩm quy mô lớn. Tỷ lệ sản phẩm nông sản chủ lực, sản phẩm OCOP, làng nghề hiện nay tham gia vào các kênh với cộng đồng các nhà bán lẻ (siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng trực tuyến...) còn thấp. Một số nông sản chịu tác động rất lớn về biến động thị trường, đặc biệt là thị trường quốc tế, nằm ngoài phạm vi kiểm soát của doanh nghiệp, ví dụ như: thị trường cà phê... Đầu ra của nhiều sản phẩm chủ lực của địa phương chưa thực sự ổn định, lệ thuộc vào mùa vụ; phần lớn người dân phải tự tìm đầu ra cho sản phẩm nên lo ngại không dám mạnh dạn đầu tư chuyển đổi cơ cấu cây trồng. Điều này đặt ra yêu cầu, cần có những nghiên cứu tổng quan, đánh giá được xu thế của thị trường và áp dụng những giải pháp khoa học hiệu quả liên quan đến vấn đề định hướng thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm chủ lực của địa phương.

*Thứ năm, về tình hình quản lý, phát triển SPCL và năng lực quản trị của các chủ thể tham gia sản xuất SPCL ở địa phương:* Ở góc độ chính quyền địa phương: Báo cáo của nhiều địa phương nêu, một trong những mô hình phổ biến

ở địa phương là các hợp tác xã (HTX), tuy nhiên, tại nhiều địa phương, quy mô, vai trò và năng lực của các HTX còn hạn chế, kết nối các xã viên chưa bền vững, chưa liên kết được nhiều với các doanh nghiệp chế biến nông sản có đủ tầm để kết nối thị trường, việc chuyển giao khoa học - kỹ thuật áp dụng vào sản xuất còn chậm... Đối với các chủ thể sản xuất, kinh doanh SPCL ở địa phương: Đa số quy mô sản xuất nhỏ lẻ, nguồn vốn không dồi dào, thiếu nguồn nhân lực có trình độ công nghệ; năng lực quản trị yếu; kiến thức về thị trường và xúc tiến thương mại còn yếu. Do đó còn rất hạn chế trong việc tìm kiếm đối tác, tìm kiếm thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu.

*Thứ sáu, về liên kết trong sản xuất, phát triển SPCL ở địa phương:* Hoạt động liên kết chuỗi đầu tư - sản xuất - tiêu thụ SPCL ở địa phương vẫn còn chưa chặt chẽ và chưa đạt được hiệu quả như kỳ vọng. Chưa có nhiều sự gắn kết, phối hợp chặt chẽ giữa các viện, trường, người sản xuất, doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu ứng dụng, tiêu thụ SPCL của địa phương.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng, chuyển giao KH&CN trong phát triển SPCL của địa phương, nhất là sản phẩm nông nghiệp chủ lực còn bị tác động bởi nhiều yếu tố rủi ro khác như: thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường; chịu tác động của biến đổi khí hậu ngày một diễn biến phức tạp, nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra thất thường không theo quy luật... gây nhiều khó khăn và ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất trồng trọt của các địa phương.

Thực trạng nêu trên cho thấy, Nhà nước cần thiết phải tiếp tục có cơ chế, chính sách hỗ trợ đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm có lợi thế phát triển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, trọng tâm là khu vực nông thôn, miền núi.

Từ tình hình thực tế như trên, Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất Thủ tướng Chính phủ xây dựng và ban hành “**Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực khu vực nông thôn, miền núi giai đoạn 2025 - 2035**”

## **II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

1. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ đã chủ trì, phối hợp với các địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng ứng dụng, chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực ở 63 tỉnh/thành trên cả nước; tổng hợp nhu cầu về hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù ở các địa phương. Đồng thời, triển khai nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia, vùng lãnh thổ về chính sách hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực.

Bộ Khoa học và Công nghệ cũng đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện rà soát các chương trình KH&CN quốc gia đang được triển khai thực hiện để loại trừ các nội dung trùng lặp (nếu có) và dự kiến các giải pháp lồng ghép các nội dung liên quan về hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ, tiến bộ kỹ thuật thúc đẩy phát triển các sản phẩm chủ lực ở địa phương vào các



chương trình (nếu phù hợp). Trên cơ sở đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã xây dựng dự thảo Chương trình.

2. Dự thảo Chương trình được biên tập, chỉnh lý qua các cuộc họp Tổ biên tập Chương trình, Tọa đàm chuyên gia, lấy ý kiến của các nhà khoa học và nhà quản lý. Dự thảo Chương trình đã được gửi lấy ý kiến góp ý các Bộ, ngành và 63 địa phương trên cả nước bảo đảm theo quy định.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo Chương trình. (Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý được kèm theo Tờ trình này)

3. Trong tháng 8 và tháng 9 năm /2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tổ chức 01 hội thảo và 03 tọa đàm xin ý kiến chuyên gia với sự tham gia của đại diện một số Bộ, ngành, địa phương, các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp để lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo Chương trình. Tổ chức họp Tổ biên tập Chương trình để chỉnh lý, hoàn chỉnh Chương trình.

Bộ Khoa học và Công nghệ dự thảo Quyết định phê duyệt Chương trình và hồ sơ kèm theo Tờ trình này, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

### **III. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH**

Dự thảo Quyết định phê duyệt Chương trình gồm 06 phần:

I. Quan điểm xây dựng, thực hiện Chương trình;

II. Mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình

III. Nhiệm vụ của Chương trình

IV. Giải pháp

V. Kinh phí thực hiện Chương trình

VI. Tổ chức thực hiện

Bộ Khoa học và Công nghệ báo cáo một số nội dung chính yếu như sau:

#### **1. Về Quan điểm xây dựng, thực hiện Chương trình:**

Bám sát định hướng, quan điểm, chỉ đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về phát triển KHCN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế- xã hội, Chương trình được xây dựng và tổ chức thực hiện trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau đây:

(1). Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả ứng dụng, chuyển giao các kết quả khoa học và công nghệ vào phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương, giúp tăng năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, phát triển thị trường, đóng góp hiệu quả vào tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững tại các địa phương trên cả nước.

(2). Việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phải được thực hiện đồng bộ với các giải pháp về liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả quản lý, hợp tác trong nước và quốc tế.

Tiến bộ khoa học và công nghệ được chuyển giao, ứng dụng phải phù hợp với năng lực và điều kiện ở địa phương, có tính mới, hiệu quả hơn so với công nghệ hiện có đang áp dụng tại địa phương, bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường sinh thái. Ưu tiên các công nghệ phù hợp với định hướng phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững.

(3). Việc ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phải gắn với đào tạo nâng cao chất lượng nhân lực ở cơ sở và nâng cao nhận thức về khoa học và công nghệ của người dân, thông qua các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

## **2. Mục tiêu của Chương trình**

### (1). Mục tiêu chung

Hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ *phát triển* các sản phẩm chủ lực của địa phương, giúp tăng năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, dịch vụ; mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; đóng góp hiệu quả vào tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trên cả nước.

### (2). Mục tiêu cụ thể

\* Giai đoạn 2025-2030:

a) Xây dựng được cơ chế chính sách, quy hoạch, kế hoạch, giải pháp phát triển các sản phẩm chủ lực của các địa phương giai đoạn 2025-2035.

b) Chuyển giao được khoảng 200 công nghệ, tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.

c) Xây dựng được khoảng 250 mô hình chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, phát triển sản phẩm chủ lực hiệu quả.

Các sản phẩm chủ lực được hỗ trợ được nâng cao về năng suất, chất lượng, có sức cạnh tranh, mở rộng được thị trường tiêu thụ. Trong đó, mỗi địa phương có 01-02 sản phẩm chủ lực trở lên được xuất khẩu với số lượng lớn.

d) Đào tạo, bồi dưỡng được khoảng 800 nhân lực thực hiện chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; tập huấn được khoảng 2.500 lượt người dân tham gia sản xuất, phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.

\* Giai đoạn 2031-2035:

a) Xây dựng được cơ chế chính sách, quy hoạch, kế hoạch, giải pháp phát triển các sản phẩm chủ lực của các địa phương giai đoạn 2025-2035 và giai đoạn tiếp theo.

b) Chuyển giao được khoảng 300 công nghệ, tiến bộ kỹ thuật phục vụ phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.

c) Xây dựng được khoảng 350 mô hình chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, phát triển sản phẩm chủ lực, nâng cao được năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh, mở rộng được thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

d) Đào tạo, bồi dưỡng được khoảng 1.000 nhân lực thực hiện chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; tập huấn được khoảng 3.500 lượt người dân tham gia sản xuất, phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương.

## **3. Nhiệm vụ của Chương trình**

Chương trình gồm 05 nhiệm vụ chính, gồm:

(1). Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương

(2). Ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển nguyên liệu/vùng nguyên liệu cho sản phẩm chủ lực; sản xuất, phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ.

(3). Hỗ trợ chuyển giao, mua công nghệ trong nước và từ nước ngoài để thực hiện các dự án đầu tư sản xuất sản phẩm chủ lực của địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương, dự án đầu tư.

(4). Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nhân lực tham gia phát triển sản phẩm chủ lực của địa phương

(5). Xây dựng cơ sở dữ liệu và truyền thông về Chương trình.

#### **4. Giải pháp:**

Đã quy định các giải pháp tổ chức thực hiện, tương ứng với các nhiệm vụ nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra của Chương trình.

Tại dự thảo Chương trình cũng quy định cụ thể về dự kiến sản phẩm của Chương trình, yêu cầu đối với sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá sản phẩm, chương trình,...

Phân Kinh phí thực hiện Chương trình quy định nguồn kinh phí và một số quy định về tài chính liên quan đến việc triển khai, thực hiện Chương trình.

Phân Tổ chức thực hiện: Quy định cụ thể vai trò, nhiệm vụ của Bộ KH&CN, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc TW, các bộ ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Chương trình.

#### **IV. TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

Ngày ....., Bộ Khoa học và Công nghệ có công văn số .../BKHCN-UĐCN đề nghị các Bộ, ngành, địa phương góp ý cho dự thảo hồ sơ xây dựng Chương trình gồm: 1) Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ; 2) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình; 3) Dự thảo Chương trình.

Đến ngày ...../2024, Bộ Khoa học và Công nghệ đã nhận được .... ý kiến góp ý của.... Bộ<sup>10</sup>, ngành; ..... địa phương<sup>11</sup>.

.....  
Bộ Khoa học và Công nghệ xin gửi kèm theo Tờ trình này Bảng tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương đối với Chương trình.

\*

\* \*

Bộ Khoa học và Công nghệ kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định ban hành Chương trình được gửi kèm theo Tờ trình này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Phó Thủ tướng Bùi Thanh Sơn;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng; Thứ trưởng Hoàng Minh;
- Lưu: VT, UĐCN.

**BỘ TRƯỞNG**

**Huỳnh Thành Đạt**

<sup>10</sup> Bộ, ngành...

<sup>11</sup> Địa phương nào chưa có ý kiến?